



Nhà Thơ Đi Lĩnh

(Để tưởng nhớ Y-Broc Niê và Lại Trọng Hà)

Phạm Tín An Ninh

Tôi không biết làm thơ. Chính xác hơn là tôi dốt đặc về thơ. Nhưng có điều tôi rất mê thơ. Thời mới vào trung học, tôi đã từng nắn nót chép những bài thơ của mấy ông Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, Đinh Hùng, Thâm Tâm... vào những tập giấy pelure đủ màu xanh đỏ, đóng bìa cứng với cái tựa mạ vàng. Tôi còn thuộc lòng hết mấy bài thơ tình của TTKH. Biết ai làm thơ hay, có đôi bài đăng trên Tiểu Thuyết Thứ Năm, Phổ Thông, Phụ Nữ Diễn Đàn hay Văn Nghệ Tiền Phong là tôi xem như thần tượng, gọi thư cho tòa soạn xin địa chỉ viết vài dòng làm quen, dù rất hiếm khi nhận được hồi âm. Lớn lên, vào lính, ngoài hành trang ba lô súng đạn, tôi luôn mang theo hồn thơ lai láng. Khi ấy tôi cũng vừa khám phá ra điều thú vị: người lính, đời lính và tình yêu của lính chính là đề tài lớn nhất cho các nhà thơ, nhạc sĩ sáng tác. Những chiều dừng quân, nghe tiếng gió rừng hòa tiếng suối reo, hay những lúc băng qua cánh rừng đầy hoa sim tím, tôi lại buột miệng thì thầm vài câu thơ quen thuộc. Nàng thơ lúc nào cũng ngự trị trong tôi, theo tôi đến mọi chân trời góc biển.

Đơn vị tôi là một tiểu đoàn tác chiến lưu động, có mặt trên hầu hết các địa danh Vùng 2 Chiến Thuật, rày đây mai đó. Có khi buổi tối còn đóng quân trong núi rừng Quảng Đức, Lâm

Đông, chiều hôm sau lại có mặt ở bờ biển Tuy Hòa, Phan Thiết. Tôi nhận trung đội với chỉ 25 người lính, Thượng nhiều hơn Kinh. Trong đó có một anh trung sĩ, tên Y- Broc Niê, có học hành, tư cách và kỷ luật. Đặc biệt anh có đôi mắt đẹp, mơ màng. Không biết gia đình giàu có thế nào, nhưng nghe nói anh được học trường Tây, nói tiếng Pháp còn giỏi hơn tiếng Việt. Trong ba lô của anh lúc nào cũng có cuốn Le Petit Larousse rất cũ kỹ và vài cuốn truyện tiếng Pháp. Anh được tất cả lính Thượng trong đơn vị kính nể, bảo điều gì cũng nghe răm rắp. Ngược lại anh cũng luôn quan tâm lo lắng đến đời sống và tranh đấu cho quyền lợi của họ. Xin cho được đi phép và cam kết họ sẽ trở lại đơn vị (vì thời ấy đa số lính Thượng khi về buôn bản, họ không muốn ra đi, bỏ lại nương rẫy vợ con nữa). Rất may là anh ta rất quý mến tôi.

Hai tháng trở thành bạn thân khi tôi biết anh cũng rất thích thơ và biết làm thơ. Những ngày đóng quân trong rừng, anh thường ngồi đọc cho tôi nghe mấy bài thơ tình lãng mạn của các ông Jacques Brévert, Lamartine. Anh còn cho tôi nghe những bài thơ được anh dịch ra tiếng Thượng, và dạy cho tôi nói một vài tiếng Ê-đê. Anh hãnh diện khoe với tôi, anh là cháu ruột của nhân sĩ trí thức Y-Yut, người đã tìm hiểu mẫu tự La Tinh và vần Ê-đê để đặt ra bộ chữ viết Ê-đê ngày nay. Đôi lúc tôi thắc mắc và thầm tiếc là tại sao một người sắc tộc có trình độ như anh mà chỉ làm trung sĩ tiểu đội trưởng tác chiến, tại sao chính phủ không xử dụng anh ở những vai trò khác hữu ích hơn? Nhưng rồi lại thấy nhờ may mắn có anh mà đời lính của tôi vui và thi vị hơn.

Một hôm, sau cuộc hành quân tại vùng Đa Nưư Phú Lạc, một khu núi đá nằm gần Vũng Rô-Đá Bia, đơn vị tôi thắng lớn, tịch thu cả một kho vũ khí của địch, được lệnh kéo về Tuy Hòa làm lễ khao quân và tái bổ sung quân số, quân trang đạn dược. Trung đội tôi được nhận thêm sáu tân binh. Trong số đó có một trung sĩ và một hạ sĩ, mà trông mặt mày tôi đoán biết cũng chỉ vừa mới rời ghế nhà trường để “đi vào nơi gió

cát”. Có điều khác là chàng trung sĩ trẻ thì vui vẻ, năng động, kỷ luật còn anh hạ sĩ thì hơi có vẻ lè phè, tóc tai để dài, có cả hàm râu mép, rất ít nói, thường trả lời chỉ bằng một cái gật đầu mỉm cười, lơ đãng. Tôi thường thấy anh ngồi một mình tư lự, đôi khi nhắm mắt nhìn trời miệng thầm thì những điều gì không ai hiểu được. Cái tên cũng đẹp: Lại Trọng Hà. Trùng họ và chữ lót với một thằng bạn khá thân của tôi thời trung học, Lại Trọng San. Mới đầu tôi nghĩ có thể là anh em vì hai chữ San-Hà, nhưng anh ta cho biết là không có bà con dây dưa rề má gì với thằng bạn của tôi cả. Sau này, tôi biết anh đã bị đánh rớt trong một khóa Hạ Sĩ Quan Đồng Đé. Thay vì bạn bè ra trường với cấp bậc trung sĩ, chỉ duy nhất có anh là hạ sĩ.

Tôi vừa thấy tội nghiệp, nhưng cũng vừa có một chút thành kiến, nghĩ anh ta chắc cũng thuộc loại ba gai, bất cần đời, khó trị. Không khéo sẽ gây ảnh hưởng xấu cho đám binh sĩ khi tôi chỉ là thằng trung đội trưởng còn non choẹt, chưa có một chút kinh nghiệm chỉ huy cũng như chiến trường. Dù vậy, lúc nào tôi cũng tỏ ra thân thiện và giúp đỡ mặc dù anh không hề có bất cứ yêu cầu nào. Với một chút tâm lý, tôi không đưa anh ra tiêu đội, mà giữ anh lại ban chỉ huy trung đội, mang khẩu phóng lựu M-79. (Thời ấy loại súng M-79 mới được trang bị, còn rất hiếm, nên mỗi trung đội chỉ có một khẩu, và người lính nào mang M-79 được đi theo trung đội trưởng).

Không ngờ anh ta cũng rất thích thơ và thuộc rất nhiều thơ. Và dường như những bài thơ là sợi dây màu nhiệm buộc bọn tôi lại với nhau. Chỉ một thời gian, anh trung sĩ Y- Broc, hạ sĩ Hà và tôi trở nên rất thân tình. Ngoài tình đồng đội, chúng tôi xem nhau như là bạn, là anh em. Nhưng ông tiểu đoàn trưởng của tôi thì không ưa chàng hạ sĩ này. Mỗi lần bắt gặp, ông luôn quát: “*Ông tướng này phải cắt tóc tai cho đàng hoàng, cạo râu đi nghe chưa. Lè phè là không được với tôi đâu!*” Tôi bảo nhỏ anh ta “thấy đại bàng phải né đi chứ!” Anh chỉ cười trừ rồi đâu cũng vào đấy. Đúng lúc ông trung sĩ 1 trung đội phó của tôi lên thượng sĩ, được chuyển về làm thường vụ tiểu đoàn, tôi

xin rút trung sĩ Y-Broc về làm trung đội phó. Ba thằng chúng tôi ở gần nhau hơn. Ăn cơm chung và nằm cạnh nhau dưới các giao thông hào. Y-Broc có biệt tài mưu sinh. Những lúc đóng quân giữa núi rừng, anh thường làm bẫy bắt thú rừng hay hái về những loại trái cây, rau rừng ăn được, những bữa cơm lính trở nên “thịnh soạn” hơn. Còn anh chàng hạ sĩ thì chỉ mang về các cụm lan rừng hay đôi cành hoa sim tím treo lủng lẳng trên đầu võng hay trước các giao thông hào. Những chiều đóng quân, nếu không đặng địch, anh nằm đu đưa trên võng, đọc cho bọn tôi nghe vài bài thơ hay. Không ngờ những bài thơ đã làm cho bọn tôi thấy đời lính đẹp hơn, lãng mạn hơn, mà quên bớt phần nào nhọc nhằn, nguy hiểm.

Cuối tháng, trung đội nhận được tờ báo Chiến Sĩ Cộng Hòa do ban Tâm Lý Chiến tiểu đoàn phân phối, luân phiên trong đại đội. Theo thói quen, tôi mở đọc trang Thơ trước, và rất ngạc nhiên khi thấy một bài thơ đề tặng mình, có ghi rõ đơn vị nữa. Bài thơ dài chiếm cả nửa trang giấy, thật hào sảng mà cảm động, có cả những địa danh mà đơn vị tôi vừa mới đi qua. Tác giả là một cái tên khá quen: *Mây Cao Nguyên*. Trước đây tôi đã đọc nhiều bài thơ của nhà thơ này và thường gật đầu tâm đắc. Nhưng tôi đâu có vinh dự gặp gỡ quen biết mà anh làm thơ tặng tôi. Và làm sao anh ta biết đơn vị tôi đã từng đi qua những địa danh xa lạ, những vùng núi rừng, hoặc làng mạc nghèo nàn, xác xơ heo hút, mà qua bài thơ bỗng trở nên thơ mộng và đẹp đẽ đến không ngờ?

Tôi đem bài thơ ra khoe với anh trung sĩ Y-Broc và hạ sĩ Hà, và hỏi có phải một trong hai người là thi sĩ Mây Cao Nguyên. Cả hai lắc đầu. Hà bảo Mây Cao Nguyên không phải con trai, là một cô bạn gái của anh, có lẽ đọc mấy lá thư của anh gửi về tả cảnh hành quân và ông trung đội trưởng trẻ tuổi dễ thương, nên cảm tác bài thơ ấy. Anh bảo có dịp anh sẽ giới thiệu bọn tôi với nhà thơ nữ này. Y-Broc dịch bài thơ ra tiếng Thượng đọc cho đám lính Thượng nghe. Tôi chẳng hiểu gì ngoài những tiếng vỗ tay của những người lính rất đổi chân

chất hồn nhiên ấy.

Một lần trung đội đang ăn cơm để chuẩn bị đóng quân đêm, bỗng ông đại đội trưởng đến tận nơi ra lệnh trung đội nghỉ ngơi một lúc chờ trời tối sẽ di chuyển đến một địa điểm để phục kích. Tin tức cho biết có một mũi công tác VC vừa xâm nhập vào khu làng nhỏ bên cạnh nhận tiếp tế, đến khuya hoặc



Chiến xa PT-6 bị bắn hạ tại Benhet

trời gần sáng bọn họ sẽ rút trở lại lên núi. Trung đội được tăng cường thêm một tổ trung liên, có nhiệm vụ phục kích để tiêu diệt trên đường địch rút ra. Địa điểm phục kích là một ngã ba nằm phía sau làng, cách chân núi vài trăm thước. Ông đại đội trưởng đưa cho tôi tấm bản đồ, chỉ cho tôi cái ngã ba, hướng dẫn cách bố trí quân và vài điểm tác xạ tiên liệu Pháo Binh ông đã chấm sẵn. Tôi lấy hướng trên địa bàn và tính khoảng cách từ điểm xuất phát đến mục tiêu khoảng bốn cây số, di chuyển trên con hương lộ nhỏ. Tất cả chỉ mang theo vũ khí và đạn dược, balô gởi lại cho đại đội. Đúng 8 giờ xuất phát. Trời cuối tháng nên tối như mực. Tôi lo ngại có thể thất lạc hoặc bị lọt ổ phục kích. Y-Broc tình nguyện dẫn tiểu đội đi đầu. Những người lính Thượng rất có kinh nghiệm đi đêm trong rừng. Đôi mắt của họ như là những ngọn đèn thân.

Chưa tới ba mươi phút, đã đến ngã ba. Tôi nắm tay từng anh tiểu đội trưởng đến địa điểm chỉ cách bố trí, và gài mìn Claymore phía trước tuyến phục kích. Hai cây trung liên Bar được đặt trên hai mô đất cao có xạ trường tốt nhất hướng về

phía con đường làng, nơi địch sẽ rút ra. Y-Broc xin theo tiểu đội người Thượng được tăng cường tổ trung liên, nằm riêng tại địa điểm trọng yếu, bên kia ngã ba đường, nơi địch sẽ xuất hiện trước nhất. Anh cẩn thận gài một quả mìn Claymore ở phía sau tuyến đề phòng bất trắc. Tôi ra lệnh luân phiên canh gác và nghỉ ngơi, đến 12 giờ đêm tất cả đều phải thức để sẵn sàng tác chiến. Khi nào địch di chuyển đến giữa ngã ba, tôi sẽ đích thân bấm trái mìn Claymore tại đây thay cho lệnh khai hỏa, tuyến quân của Y-Broc là nỗ lực chính tấn công và chốt địch phía sau. Kiểm soát các tiểu đội xong, tôi trở về vị trí, dựa lưng vào một mô đất duỗi đôi chân ra nghỉ.

Khoảng hơn nửa giờ sau, có tiếng vài con chim lạ, dấu hiệu có người. Tôi đang nghe ngóng và phân vân không biết mấy con chim này thấy ta hay địch thì giật mình bởi tiếng mìn Claymore nổ chát chúa ngay hướng trước mặt, bên kia đường, sau tuyến của Y-Broc, cùng những tiếng la hét thất thanh. Nhiều tràng đạn khai hỏa từ cánh quân của Y-Broc. Rồi tiếng súng địch nổ khắp nơi, có cả tiếng trung liên, đại liên và B.40. Những vệt đạn lửa đan xéo trên đầu, trong màn đêm tĩnh mịch. Hỏa lực địch tập trung vào vị trí tiểu đội của Y-Broc. Tôi nghe tiếng hô xung phong của địch và biết lực lượng địch ít nhất cấp đại đội, nên không thể liều lĩnh. Hơn nữa tôi chưa nắm vững được tình hình và vị trí địch. Tiểu đội Y-Broc chống trả mãnh liệt.

Nhờ nằm dưới một con mương khô, bám được vị trí che chắn tốt, và những tràng đạn trung liên cùng những quả lựu đạn M-26 liên tục tung ra hiệu quả nên cánh quân của Y-Broc giữ vững được phòng tuyến. Sợ địch phát giác, nên lợi dụng khi có tiếng súng và lựu đạn nổ, tôi báo cáo khẩn cấp cho ông đại đội trưởng, xin tiếp ứng và Pháo Binh. Nhưng không thể cận yểm được vì địch với ta quá gần nhau, nên tôi chỉ xin tác xạ vào các điểm tiêu diệt ngay sau lưng địch, vừa uy hiếp vừa dồn chúng lại, để chúng tôi đánh bằng lựu đạn. Hai tiểu đội còn lại bên này đường đã nhanh chóng dàn mỏng đội hình

đọc theo con lộ tạo thành một tuyến hình chữ L để đánh bên sườn địch. Cây trung liên cùng với khẩu M-79 của hạ sĩ Hà di chuyển liên tục khai hỏa vào bên hông địch, để vừa không lộ vị trí vừa nghi binh để bọn chúng nghĩ là lực lượng chúng tôi đông đảo hơn chứ không phải chỉ một trung đội.

Địch không còn tập trung áp đảo tiểu đội của Y-Broc mà bung ra hướng tôi đối phó. Khẩu đại liên của chúng chuyển hướng, liên tục khạc đạn vào chúng tôi trong một khoảng cách thật gần với tầm rất thấp, làm chúng tôi không góc đầu hay di chuyển được. May mắn là có một con mương nhỏ dọc theo lề đường tương đối an toàn để chúng tôi ẩn nấp.

Tôi gọi xin Pháo Binh bắn hai quả soi sáng. Khi trái sáng được bắn lên, tôi thấy vị trí khẩu đại liên của chúng được đặt trên miệng một cái hố lớn bên kia đường, có xạ trường tốt. Rất khó khăn và nguy hiểm để chúng tôi có thể băng qua con đường đất, tiếp cứu tiểu đội Y-Broc. Bỗng có người đập nhẹ vào vai, quay lại tôi nhận ra Hà. Anh ta dúm khẩu M-79 đã hết đạn cho tôi và bảo cho anh xin thêm hai quả lựu đạn “để triệt khẩu đại liên ác ôn của tụi nó” (Lúc ấy mỗi người lính đều được trang bị 2 quả lựu đạn M-26). Tôi chưa kịp hỏi gì thì Hà biến mất. Cầm chân được chúng tôi, địch lại tập trung áp đảo và bao vây tiểu đội Y-Broc. Tiếng địch la hét hô “xung phong” nhằm uy hiếp tinh thần.

Bỗng tôi nghe ba tiếng lựu đạn nổ liên tiếp cùng những tiếng la hét hoảng và tiếng chân của quân địch chạy. Tôi nghĩ ngay đó là lựu đạn của Hà. Khẩu đại liên của địch im tiếng. Chúng tôi nhanh chóng băng qua đường và đồng loạt tập kích bên cạnh sườn địch bằng một loạt những quả lựu đạn tung ra cùng một lúc. Trên 20 trái lựu đạn tạo thành tiếng nổ kinh hồn, như rung chuyển cả cánh rừng và mặt đất. Bọn địch tháo chạy dưới những tràng đạn Pháo Binh của ta bắn chặn. Chúng tôi có lệnh không truy kích, vì chưa kiểm soát được tổn thất và bắt tay với cánh quân của Y-Broc.

Tôi lên tiếng gọi Y-Broc, bảo ngưng mọi tác xạ và tránh ngộ nhận, tôi sẽ đến gặp. Khi tôi vừa bắt tay Y-Broc thì Hà cũng vừa chạy đến. May mắn cả hai đều không thương tích. Tôi bảo lần này nhờ vào sự can đảm liều lĩnh của Hà, diệt được khẩu đại liên địch, mới kịp tăng cường cứu nguy cho Y-Broc. Ba thằng vội vã ôm choàng lấy nhau. Y-Broc bảo vừa đánh địch phía trước vừa phải đề phòng sau lưng, vì sợ mũi công tác của VC từ trong làng kéo ra. Tôi bảo Y-Broc để một bán tiểu đội và tổ trung liên nằm tại chỗ, đề phòng phía sau. Pháo Binh tiếp tục bắn trái sáng để chúng tôi bung ra lục soát. Rất may mắn như một điều kỳ diệu,, bên ta chỉ có hai binh sĩ Thượng bị thương, đều thuộc tiểu đội bên cánh của Y-Broc. Địch bỏ lại 9 xác chết và 12 vũ khí đủ loại, trong đó có một đại liên bị hư hại và một khẩu K-54. Hai tên bị thương nặng, chúng tôi bắt sống. Đa số địch chết vì lựu đạn và mìn Claymore. Năm tên banh xác dưới cái hố lớn nơi đặt khẩu đại liên, bị hạ sĩ Hà tiêu diệt. Đây cái hố trũng do dân làng đào lấy đất đắp đường để lại.

Khi đại đội (-) tiếp ứng đến nơi, tình hình đã hoàn toàn yên tĩnh. Ông đại đội trưởng ôm lấy chúng tôi mừng rỡ. Cả đại đội được lệnh vừa di chuyển về vị trí tiểu đoàn vừa an ninh lộ trình để xe tản thương đến đưa thương binh về bệnh xá, kể cả hai tên địch.

Sáng hôm sau, chúng tôi được ông Tiểu Đoàn Trưởng và ông Tiểu Khu Phó đến thăm, bắt tay khen ngợi, bảo là tin tức tình báo không chính xác. Đám VC vừa tao ngộ chiến với chúng tôi không phải là mũi công tác như được cho biết là đã xâm nhập vào làng từ lúc chạng vạng tối. Thực ra đây là đại đội địa phương của chúng đã hạ sơn trễ, mục đích chiếm ngôi làng này và tấn công quấy rối vào vị trí đóng quân của tiểu đoàn, may mà chúng tôi phát giác và phản ứng kịp thời. Tôi gọi hạ sĩ Hà đến và kể lại thành tích bất ngờ nhưng hào hùng của anh. Hai ông cười, bắt tay Hà khen ngợi.

Chiến công bất ngờ lần ấy, trung đội tôi được tưởng

thường 5 anh dũng bội tinh. Một ngôi sao vàng và 4 ngôi sao bạc. Điều vui hơn, là từ hôm đó, ông tiểu đoàn trưởng đã nhìn Hà bằng cặp mắt khác. Có nhiều thiện cảm hơn.

Khoảng hai tháng sau, trung đội được lệnh đi tiền đồn, bố trí quân trên một ngọn đồi có nhiều tảng đá lớn che chắn, một bên là núi, phía dưới là biển rì rào, trên trời thì trăng sao vắng vặc. Khung cảnh thật thơ mộng, nên trời đã khuya mà ba thằng chưa ngủ, nằm cạnh nhau bên hốc đá tán gẫu chuyện thơ văn. Đang ngâm nga mấy bài thơ của thi sĩ Đinh Hùng thì VC pháo kích mấy quả 80 ly rồi từ bên kia núi bắn sang nhiều loạt AK và hô xung phong. Tôi nghĩ chúng chỉ hù dọa vì khoảng cách khá xa. Hơn nữa ngọn đồi chúng tôi đóng quân khá kiên cố. Ba

thằng vội bò dậy, hạ sĩ Hà lấy cây M-79 thọt sang mấy quả, còn tôi thì điều chỉnh pháo binh tác xạ mấy tràng. Yên lặng.



Trở lại hốc đá, Hà

Đông đội

và tôi không thấy Y-Broc đâu cả. Vài phút sau nghe tiếng lựu đạn nổ phía sau, cả trung đội báo động. Tôi chưa biết chuyện gì xảy ra, thì Y-Broc chạy tới, bảo là có đặc công đột nhập từ hướng biển, nơi mà chúng tôi không ngờ. Thì ra bọn địch chơi trò dương đông kích tây. Y-Broc có kinh nghiệm và đã nhanh trí trước mưu đồ của chúng, nên kịp phát giác. Tôi xin Pháo Binh bắn soi sáng. Và nhờ đã chuẩn bị các dấu hiệu nhận nhau cột trên cánh tay và mặt khẩu, chúng tôi dễ dàng kiểm

soát tình hình. Một tên địch bị banh xác bởi trái lựu đạn của Y-Broc. Hai tên khác bị lộ, nấp dưới một hố nhỏ, tôi cho ném lựu đạn cay và bắt được chúng.

Thêm một lần nữa trung đội lập được chiến công, nhưng cũng không phải nhờ tài năng hay đảm lược gì của tôi, anh chàng trung đội trưởng.

Không ngờ một anh hạ sĩ bị đánh rớt từ quân trường Đồng Đế, và một anh trung sĩ người Thượng hiền lành, đều là hai nhà thơ lãng mạn, chuyên khóc gió thương mây, mà lập được những chiến công hiển hách, cứu tôi và cả trung đội hai lần thoát khỏi tình huống hiểm nguy. Riêng tôi đã học thêm được một số kinh nghiệm chiến trường.

Sáu tháng sau, tiểu đoàn được tăng phái dài hạn một Chi Đoàn Thiết Quân Vận M-113, xuống tàu Hải quân di chuyển vào Phan Thiết, để mở lại con đường QL-1 từ Phan Thiết đến Phan Rang, đặc biệt giải tỏa khu vực dọc theo Mật khu Lê Hồng Phong bị địch làm chủ tình hình hơn hai tháng nay. Đồng thời giữ an ninh cho Công Binh thiết lập căn cứ Nora và Mara nằm bên quốc lộ. Cuộc hành quân kết thúc tốt đẹp. Chúng tôi nhận lệnh bàn giao các căn cứ và vị trí cho các đơn vị địa phương quân của TK Bình Thuận, di chuyển đến phi trường quân sự Sông Mao để được không vận khẩn cấp bằng các phi cơ Caribou lên Quảng Đức. Mục tiêu cuộc hành quân lần này mới lạ và phức tạp hơn: trấn áp những cuộc nổi loạn của người Thượng, sau khi có tin một số sĩ quan người Kinh tại một căn cứ hay quận lỵ nào đó bị giết chết.

Tôi thực sự khó xử khi trong đơn vị có khá nhiều người Thượng và đặc biệt trung sĩ Y-Broc là người mà tôi thương yêu quý mến. Nếu phải tấn công vào lực lượng người Thượng phản loạn, tôi không biết phải ăn nói làm sao, và liệu phản ứng của Y-Broc và các binh sĩ Thượng trong đơn vị sẽ như thế nào? Cuối cùng, không phải chỉ có tôi mà ông tiểu đoàn trưởng đã phải trông nhờ vào trung sĩ Y-Broc. Ông muốn anh

về làm việc với bộ chỉ huy tiểu đoàn, nhưng anh một mực xin được tiếp tục ở lại trung đội với tôi và sẽ thi hành tất cả những gì vị Tiểu Đoàn Trưởng cần đến. Anh hứa sẽ giải thích cho tất cả anh em binh sĩ Thượng trong đơn vị hiểu và cũng tình nguyện làm trung gian hòa giải giữa đơn vị tôi và lực lượng người Thượng nổi loạn ở Quảng Đức. Anh tin tưởng cuộc hòa giải sẽ thành công để tránh những cuộc đụng độ giữa hai sắc tộc anh em Kinh-Thượng. Rất may, khi đến Quảng Đức, tình hình đã lắng dịu. Sau đó khi đơn vị hành quân qua các vùng có đông đúc người Thượng, trung sĩ Y-Broc trở thành một cán bộ Tâm Lý Chiến tài ba, đã cảm hóa được hầu hết những quân nhân và dân chúng Thượng trong vùng.

Quảng Đức là một tỉnh nhỏ, nằm heo hút giữa biên giới Lào-Việt, được Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng lập với vài khu dinh điền, để định cư một số người Bắc di cư năm 54 và tạo thành một trọng điểm chiến lược. Có lẽ không một địa danh nào làm cho những người lính buồn chán bằng Quảng Đức. Vậy mà tiểu đoàn tôi được lệnh ở lại đây gần một năm, giữ an ninh cho khu dinh điền Đạo Nghĩa và thường xuyên hành quân tảo thanh dọc theo biên giới.

Hơn mười tháng sau, ngay sau khi nhận lãnh chức vụ đại đội trưởng, tôi được ông tiểu đoàn trưởng chỉ định dắt đại đội solo xuống núi, tăng cường cho TK Lâm Đồng, giữ an ninh cho Công Binh tái thiết mấy cây cầu trên QL-20 bị VC giật sập. Tôi kéo Y-Broc và Hà về ban chỉ huy đại đội. Chúng tôi đóng quân trên một đồi trà mà ông chủ là một người Pháp. Nhờ Y-Broc giỏi tiếng Pháp, nên ông chủ có cảm tình đặc biệt với bọn tôi, thường đãi bọn tôi những bữa ăn với rượu Tây và thỉnh thoảng lấy xe chở bọn tôi lên thành phố Đà Lạt rong chơi. Cà phê Tùng và quán Thủy Tạ trên hồ Xuân Hương là nơi mà bọn tôi thường có mặt.

Hơn một tháng sau, đại đội được trả về tiểu đoàn, vừa di chuyển đến Di Linh, tham dự một cuộc hành quân khẩn cấp, tiếp viện Tiểu Đoàn 22 BĐQ. Đơn vị thiện chiến này vừa trải

qua một cuộc hành quân dài hạn tại một mật khu nằm giữa ranh giới ba tỉnh Bình Thuận – Ninh Thuận - Lâm Đồng, tiêu diệt một số đơn vị địa phương và phá hủy một số kho lương thực của địch. Trên đường rút quân về Lâm Đồng thì bị một đơn vị địch khác vừa mới được điều động từ Vùng 3 đến làm nút chặn, bao vây. Địch đã tổ chức trận địa sẵn, đặt nhiều cái chốt với súng đại liên và cả đại bác trên các cao điểm. Tiểu Đoàn BĐQ chiến đấu dũng cảm trong một địa thế khá cam go. Nhưng điều bất lợi là đạn dược sắp cạn mà không thể nhận tiếp tế được.

Từ tuyến xuất phát đến mục tiêu khá xa, khoảng mười lăm cây số đường chim bay. Lúc ấy phương tiện còn eo hẹp, trực thăng H-34 đổ quân rất hiếm hoi, cả tiểu đoàn phải hành quân bằng đường bộ. Để di chuyển nhanh, binh sĩ chỉ trang bị súng đạn và lương khô. Ngoài ra còn phải mang theo thêm một cấp số đạn để tiếp tế khẩn cấp cho BĐQ. Tiểu đoàn chia làm ba cánh, hỗ trợ nhau. Vừa di chuyển thật nhanh theo lộ trình ngắn nhất, vừa tung các toán tiên thám ra phía trước và hai bên để phòng phục kích. Đại đội tôi đi chung với BCH Tiểu Đoàn và đại đội chỉ huy yểm trợ. Hơn hai phần ba lộ trình, cả đơn vị dừng lại nghỉ vài phút, ăn cơm, chuẩn bị súng ống đạn dược cũng như tinh thần để tiến vào mục tiêu.

Khi có lệnh di chuyển, Y-Broc cho tôi biết hạ sĩ Hà tự dung bị đau bụng khá nặng, không thể đi được. Tôi cho y tá đại đội đi mời anh sĩ quan trợ y tiểu đoàn đến khám. Hà mặt mày xanh mét, mắt nhắm lại vì đau đớn, mồ hôi đổ đầy trên trán. Anh sĩ quan trợ y gốc cán sự y tế nhiều kinh nghiệm, cho biết hạ sĩ Hà bị sung ruột thừa cấp tính. Anh cho Hà uống thuốc, nhưng bảo thuốc chỉ có thể giảm đau chốc lát, nhưng cần phải tải thương về quân y viện để giải phẫu. Nếu kéo dài ruột thừa có thể bị vỡ ra, nguy hiểm đến tính mạng. Tôi đi gặp ông tiểu đoàn trưởng trình bày sự việc. Ông đi theo tôi đến tận nơi quan sát. Thấy ông đến nói chuyện với anh cố vấn Mỹ, nhưng sau khi gọi máy liên lạc với ai đó, anh ta lắc đầu. Sau

một hồi suy nghĩ ông quyết định đem Hà giấu trong hốc núi, để lại cho anh ta một ít thuốc uống giảm đau, lương khô và bốn trái lựu đạn. Khi nào thanh toán xong mục tiêu, đơn vị sẽ quay trở lại đón anh. Vì không thể tải thương và cũng không thể khiêng anh vào mục tiêu trong lúc này được. Nhìn nét mặt đăm chiêu khổ sở của ông tiểu đoàn trưởng, tôi biết rất khó khăn để ông đưa ra quyết định này. Không thể vì một người mà gây trở ngại cho cả một đơn vị, nhất là trong tình trạng đặc biệt khẩn cấp. Tôi nhìn Hà đau đớn mà đứt ruột.

Ông tiểu đoàn trưởng vừa bước chân đi, tôi vội chạy theo đề nghị xin cho tôi cử một tiểu đội, gồm những binh sĩ giỏi, nhanh nhẹn, võng hạ sĩ Hà ngược ra điểm xuất phát sáng nay để xe tiểu đoàn đến đón đưa đi bệnh viện. Tôi xin nhận lãnh mọi trách nhiệm được giao phó cho đại đội khi vào mục tiêu phía trước. Ông ngần ngừ, bảo rất nguy hiểm, theo kinh nghiệm, chắc chắn có vài toán thám sát của địch đã bám theo tiểu đoàn. Y-Broc nghe tôi trình bày vội vàng chạy tới, đứng nghiêm chào, xin tình nguyện tổ chức và chỉ huy tiểu đội đặc biệt đưa hạ sĩ Hà ra khỏi vùng hành quân. Ông tiểu đoàn trưởng gật đầu, vỗ vai bảo Y-Broc phải hết sức cẩn thận. Y-Broc chọn tám người lính Thượng khỏe mạnh, nhanh nhẹn, và rất sợ trường việc di chuyển trong rừng. Sau khi sắp xếp cho việc tải thương hạ sĩ Hà xong, cả đơn vị tiếp tục di chuyển về hướng mục tiêu. Tôi cảm thấy lo âu, vừa cho sự an toàn của họ vừa thiếu mất một anh trung sĩ và mấy anh lính Thượng can đảm, giàu kinh nghiệm chiến đấu, khi đại đội sắp phải đánh vào một mục tiêu gay go trước mặt. Nhưng rồi lại thấy vui trong lòng, khi nghĩ đến hạ sĩ Hà sẽ được bình an, cứu chữa.

Sau gần một tiếng đồng hồ, đơn vị đến mục tiêu. Không khí yên lặng nặng nề. Khi cho đại đội bung rộng ra thăm dò tình hình, tôi bỗng nghe nhiều tiếng súng nổ xa xa phía sau lưng. Tôi nghĩ có lẽ tiểu đội đặc biệt của Y-Broc đã đụng địch. Chưa kịp lo lắng cho số phận của anh em, nhất là hạ sĩ Hà đang trong tình trạng ốm đau không chiến đấu tự vệ được, thì

địch bắt đầu nổ súng tấn công đại đội. Tôi phát giác khẩu đại liên của địch trong hốc đá trên triền núi, sẽ là mối đe dọa cho đại đội. Cho binh sĩ tẩn vào các gốc cây và tảng đá tạm thời ẩn nấp, tôi xin tiểu đoàn tăng cường khẩu đại bác SKZ 75 ly, tác xạ liên tiếp 2 quả vào vị trí đại liên của địch, đồng thời cho trung đội đi một cánh riêng trên triền núi, bò lên ném tiếp mấy quả lựu đạn. Khẩu đại liên im tiếng. Tiểu Đoàn ồ ạt tấn công phía sau lưng địch. Khi thấy thêm vài ổ súng khác của địch trên triền núi, nhằm cầm chân đơn vị ta, anh sĩ quan đề-lô rất năng nổ của tiểu đoàn thay vì gọi Pháo binh tác xạ, đã trực tiếp hướng dẫn phi công L-19, đánh dấu chính xác địa điểm các ổ đại liên và ống phóng hỏa tiễn của địch. Hai phi tuần khu trực thi nhau oanh kích.

Tiểu Đoàn 22 BĐQ biết có đơn vị bạn tiếp viện, đã anh dũng đánh ra. Địch quân bất ngờ bị kẹt trong thế gọng kìm, bung ra chạy thoát thân, nhiều tên bị các tay súng của ta đốn ngã. Tiếng anh phi công L-19 la hét vui mừng trên tần số, gọi các phi tuần tiếp tục rải bom xuống đầu địch. Khi đại đội tôi tiến lên bắt tay cánh quân Biệt Động Quân, rất bất ngờ và cảm động khi nhận ra anh đại đội trưởng BĐQ đi đầu lại là người bạn học cùng quê và cùng khóa Thủ Đức: thiếu úy Trương Tấn Anh. Anh bị thương nhẹ, trên cánh tay còn tấm băng rì máu, nhưng vẫn điều động đại đội phản công quyết liệt với số đạn ít ỏi còn lại sau một cuộc hành quân dài hạn, đã vậy còn phải mang theo một số thương binh, tử sĩ. Chia đạn cho anh em BĐQ xong, chúng tôi cùng tiếp tục truy kích, thu nhật nhiều chiến lợi phẩm. Xác địch nằm la liệt trên trận địa.

Khi có lệnh tạm bố trí nghỉ ngơi, tôi sực nhớ tới Y-Broc cùng toán lính đưa hạ sĩ Hà ra lại Di Linh, lòng bồn chồn, không biết họ ra sao. Mấy đợt súng nổ tôi nghe được trước khi tấn công mục tiêu có phải là họ đã phải chiến đấu với địch? Tôi cố gắng liên lạc, nhưng chỉ nghe tiếng rè rè của chiếc máy PRC- 10 (thời ấy chưa có PRC-25).

Mãi đến khi rút quân ra hơn nửa đường, tôi mới nghe

tiếng ông thượng sĩ chỉ huy tiền trạm báo cáo trên hệ thống vô tuyến: Toán của trung sĩ Y Kroc đã chiến đấu rất dũng cảm để tiêu diệt đám VC chặn đánh, cứu hạ sĩ Hà khỏi bị bắt. Tuy nhiên bên ta có trung sĩ Y-Broc và hai binh sĩ bị thương nhẹ. Riêng hạ sĩ Hà bị thương nặng, đã được tải thương về QYV Nguyễn Huệ - Nha Trang.

Vừa về đến Di Linh, ông tiểu đoàn trưởng và tôi chạy đến thăm Y-Broc tại bệnh xá của huyện. Anh bị một viên vào cánh tay trái, may mắn là không vào xương. Anh kể lại khi bị VC tấn công, tất cả đều quyết liệt phản công. Hà lại bị thương ngay loạt đạn đầu tiên của địch, dù không di chuyển được, vẫn nằm một chỗ chiến đấu. Tôi nghiệp, hai anh lính võng hạ sĩ Hà, vì phải nằm lại bảo vệ Hà, nên đã trúng đạn địch. Nhưng chính nhờ hai anh lính này, mà Y-Broc và sáu khinh binh còn lại đã

quật ngã đám địch. Anh chỉ lo cho Hà vừa bị trọng bệnh lại vừa bị trọng thương nên tính mạng rất mong manh.

Sau trận ấy, Y-Broc được chuyển về tiểu đoàn làm phụ tá



Lớp huấn luyện tại một trại Biên Phòng

SQ Tâm Lý Chiến. Nhưng chỉ một tháng sau, khi có lệnh cho các hạ sĩ quan gốc thiểu số được ưu tiên theo học khóa sĩ quan. Y-Broc rời đơn vị, nhập học một khóa sĩ quan ở trường Thủ Đức. Nhờ có sức khỏe và khả năng Anh, Pháp ngữ, anh được tuyển sang Không Quân, ngành phi công trực thăng. Ra trường được bổ nhiệm về một phi đoàn thuộc Vùng 3. Sau đó

một vài năm tôi mất liên lạc với anh.

Năm 1985, chỉ mấy tháng sau khi ra tù, tôi cùng vợ con vượt biển. Được tàu Na-uy cứu vớt trước khi một cơn bão ập đến. Chúng tôi được đưa vào trại tị nạn Singapore và sau đó chuyển tiếp sang trại Bataan ở Phi Luật Tân. Trại Bataan lúc ấy gồm có mười Vùng. Gia đình tôi ở Vùng 1 là nơi dành riêng cho những người được tàu Na-uy vớt, được học ngôn ngữ Na-uy từ 6 đến 8 tháng trước khi đi định cư ở đất nước Bắc Âu lạnh lẽo nhưng rất giàu lòng nhân đạo này.

Tôi tham gia vào Hội Cựu Quân Nhân do vị đại tá trại phó, người Phi, hỗ trợ mọi mặt. Ông đã từng có một thời gian phục vụ ở Việt nam trong lực lượng đồng minh và hết lòng ca ngợi QLVNCH, cũng như rất đau đớn khi nghe tin miền Nam VN thất thủ. Ông đã bàn giao lại cho Hội Cựu Quân Nhân chúng tôi lá quốc kỳ của Tòa Đại Sứ VNCH tại Manila. Hội Cựu Quân Nhân hỗ trợ các ban đại diện Vùng giải quyết các vấn đề an ninh trong trại.

Một hôm, một cô gái người Thượng đi tắm suối bị ba người lạ mặt bắt đưa vào rừng hãm hiếp. Địa điểm này lại nằm gần Vùng 1, nên mọi nghi ngờ đều đổ dồn về Vùng 1 chúng tôi. Người Thượng tị nạn lúc ấy có khoảng 70 người, ở Vùng 2, tập trung kéo đến với gậy gộc, hò hét, đòi tập trung tất cả người Vùng 1 để cô gái kia nhận diện, tuyên bố là nếu tìm ra thủ phạm, họ sẽ tự giải quyết mà không cần đến ban chỉ huy trại.

Thấy tình hình quá căng thẳng, có thể nguy hiểm khôn lường, tôi nhờ anh Cảnh sát Phi, có trạm gác phía sau Vùng 1, liên lạc yêu cầu Đại Tá Trại Phó đến gặp tôi. Ông đại tá cho điều động cảnh sát võ trang, nhưng chỉ chia nhau ăn trong các dãy nhà, ngại người Thượng có thể liêu lĩnh tai hại. Ông yêu cầu người Thượng đề cử một ban đại diện không quá 5 người vào trạm cảnh sát nằm sau Vùng 1 gặp một số đại diện người Kinh. Tôi nằm trong ban đại diện người Kinh ấy. Chúng tôi

vào trạm trước ngồi chờ.

Khi nhóm đại diện người Thượng bước vào, và anh trưởng nhóm chào ông đại tá và chúng tôi, tôi há hốc miệng khi nhận ra người ấy chính là Y-Broc, người bạn đồng đội thân thiết rất dễ thương từng sống chết với tôi ngày trước, tôi gọi lớn tên anh:

- Có phải Y-Broc Niê ở tiểu đoàn Hải Ưng ngày xưa đây không?.

Y-Broc ngược mắt nhìn rồi bước tới ôm chầm lấy tôi, trước sự ngỡ ngàng của tất cả mọi người. Anh quay lại nói với những người Thượng một tràng tiếng Thượng. Tôi không hiểu gì nhưng nhận ra nét mặt của họ đột nhiên dịu lại. Tôi kể cho ông đại tá về sự quen biết giữa chúng tôi, ông bắt tay hôn hờ. Tôi nói với Y-Broc là chúng tôi sẽ phối hợp với an ninh trại, cho điều tra thật nhanh chóng sự việc đáng buồn này. Kết quả thế nào tôi sẽ báo cho Y-Broc biết, để cùng tìm một giải pháp. Tránh để xảy ra trường hợp thù hận giữa hai sắc tộc như năm nào ở Quảng Đức mà chính Y-Broc từng là vị sứ giả hòa bình. Y-Broc gật đầu cảm ơn mọi người rồi dắt tay tôi ra chỗ những người Thượng đang tập trung chờ đợi phía trước, Anh ôm vai tôi, nói một hồi, toàn tiếng Thượng.

Không hiểu gì, nhưng tôi nhận ra cái giọng rất cảm động, có chút nghẹn ngào. Thì ra anh ta vẫn có uy tín rất lớn với những người cùng sắc tộc. Những lời nói của anh đã nhanh chóng thuyết phục được họ. Tất cả im lặng kéo nhau về Vùng 2. Y-Broc mời ông đại tá trại phó và kéo tôi ra cái quán ở trước Vùng 5 uống bia, với sự cho phép đặc biệt của ông trại phó (người tị nạn không được phép uống bia rượu trong trại). Anh kể qua cho tôi nghe quãng đời binh nghiệp của anh sau này. Đặc biệt từ đầu năm 1971 anh được biệt phái giữ một chức vụ khá lớn trong Bộ Phát Triển Sắc Tộc.

Tuy nhiên, lòng tôi chưa hết ưu tư, vì nếu thủ phạm vụ hiếp dâm cô gái Thượng là người ở Vùng 1, liệu tôi sẽ phải ăn

nói thế nào với anh và những đồng hương đang tin tưởng kính mến anh. Rất may, trời thương chúng tôi. Chỉ hai hôm sau, cảnh sát Phi đã bắt được thủ phạm, là ba thanh niên người Phi, thợ mộc được trại thuê vào làm việc.

Khi Y-Broc tìm đến gặp tôi để cho biết tin này, chúng tôi có dịp ngồi bên nhau lâu hơn, ôn lại chuyện xưa. Y-Broc cho biết là anh vẫn còn độc thân. Khi làm việc ở Sài Gòn, anh bắt gặp lại hạ sĩ Lại Trọng Hà. Nhờ đọc được mấy bài thơ của tác giả Mây Cao Nguyên, trong đó có nhắc lại nhiều kỷ niệm ở đơn vị cũ. Cảm động nhất là bài thơ kể lại lần nhà thơ thoát chết khi được những đồng đội dừng cảm người Thượng võng ra khỏi vùng chiến trận. Anh không chết nhưng trở thành tàn phế. Y-Broc liên lạc với tòa soạn của tờ tuần san có đăng mấy bài thơ để hỏi thăm tin tức và địa chỉ của tác giả Mây Cao Nguyên.

Khi tìm đến căn nhà sàn nhỏ nằm cuối con hẻm bên bờ sông Thị Nghè, Y-Broc đã gặp lại Hà. Anh sống với vợ chồng bà chị. Y-Broc bật khóc khi nhìn thấy cả hai chân của Hà đã bị cưa tới đầu gối. Hai người bạn vừa làm thơ vừa chiến đấu ngày xưa ôm lấy nhau mà không nói được lời nào. Họ uống rượu, đọc thơ, rồi khóc cho đến lúc say mềm nằm lăn ra ngủ lúc nào không biết.

Vài hôm sau, trên một tờ tuần san văn nghệ, Y-Broc đọc được bài thơ của Mây Cao Nguyên, đề tặng anh. Bài thơ khá dài, Y-Broc chỉ còn nhớ vài câu:

*Sao lại là ta đến nỗi này
là Mây mà chẳng thấy mây bay
gặp mi ta nhớ rừng núi cũ
một thuở làm thơ giữa đạn thù*

...

*Thôi kể làm chi chuyện mắt còn
ném đôi nạng gỗ xuống dòng sông
còn dăm bầu rượu chia nhau cạn*

...

Năm 1978, khi trốn thoát khỏi trại tù Gia Trung - Pleiku, Y-Broc không dám trở về quê Ban Mê Thuột, vì có rất nhiều người biết anh. Anh chạy thẳng vào Sài Gòn, nhờ người mua được giấy tờ giả, với một cái tên giả. Có lần anh trở lại con hẻm bên bờ sông xưa tìm thăm Hà, nhưng căn nhà ấy không còn, đã được phá đi để cất lên một ngôi nhà mới, và người chủ nhà cũng như những láng giềng không ai biết Hà, cũng như chưa bao giờ nghe nói có một nhà thơ Mây Cao Nguyên nào từng ở trong con hẻm nhỏ này.

Điều bất ngờ thú vị là sau đó Y- Broc cũng đến định cư ở Na-uy, vì có cô em gái đã đến đây trước, làm hồ sơ bảo lãnh cho anh. Tôi định cư sau anh năm tháng. Khi còn ở Bataan tôi có nhận của anh một ít tiền và mấy lá thư, chỉ cho một vài kinh nghiệm hội nhập và dặn dò đôi điều cần thiết khi đến Na-uy. Một tháng sau khi đến Na-uy tôi tìm thăm anh. Y-Broc ở một thành phố phía Nam, cách xa thủ đô Oslo, nơi gia đình tôi ở khoảng 500 cây số. Anh xin được chỗ làm tốt trong Công ty dầu hỏa Na-uy. Vừa làm vừa học thêm. Ba năm sau anh làm đám cưới với một cô giáo người Na-uy. Vợ chồng tôi dự đám cưới, được vinh dự ngồi chung bàn cùng cô dâu chú rể.

Trong tiệc cưới tôi được anh mời lên kể cho thực khách nghe về những kỷ niệm của chúng tôi khi còn là lính chiến ở Việt nam. Tôi cũng không quên nhắc lại chuyện tôi bất ngờ gặp lại anh ở trại tị nạn Bataan, và chuyện một người bạn thương binh của chúng tôi, làm thơ rất hay, đánh giặc rất liêu, có thể còn sống ở đâu đó tại quê nhà mà chúng tôi rất nhớ. Sau đó, bận rộn chuyện học hành, lo cho con cái hội nhập vào quê hương mới, chúng tôi chỉ thỉnh thoảng gọi phôn thăm, đôi lúc nhận được vài bài thơ của anh làm, được dịch ra tiếng Na-uy.

Năm sau, chị vợ sinh cho anh một cô con gái. Trông tầm ảnh. Cô bé lai khá xinh. Ngày cháu tròn ba tuổi, vợ chồng tôi

có ý định xuống thăm và mừng sinh nhật cháu. Tôi nghĩ người Thượng theo chế độ mẫu hệ, nên được con gái đầu lòng chắc Y-Broc vui mừng lắm. Nhưng gọi mấy lần không gặp anh, chỉ nói chuyện với cô vợ. Lần cuối cùng cô sụt sùi cho biết là Y-Broc đã biến mất. Người em của anh cho biết là anh đã cùng vài người bạn cùng buôn bán lúc xưa, định cư ở North Carolina bên Mỹ, tìm đường trở về biên giới Việt nam, tổ chức cho những người Thượng nổi dậy chống chính quyền CS và cứu một số bạn bè chiến hữu người Thượng bị truy bắt, phải vượt qua biên giới còn đang ẩn trốn ở đâu đó. Cho mãi đến bây giờ vẫn không ai biết tin tức của Y-Broc. Chắc chắn là anh đã chết.

Tôi thẫn thờ cả mấy ngày, như vừa mới mất đi một người thân, một người bạn chí tình, khí khái và có tâm hồn, nghĩa hiệp. Tôi cũng nhớ tới Lại Trọng Hà, nhà thơ Mây Cao Nguyên. Không biết giờ này anh đang ở đâu, và với đôi chân tàn phế ấy, anh sẽ phải sống như thế nào trong một xã hội mà kẻ thù đang ngự trị. Lúc trước anh còn có thể xoa dịu vết thương cùng nỗi bất hạnh bằng những bài thơ viết với trái tim mình, nhắc nhớ kỷ niệm chiến trường cùng những đồng đội yêu thương. Giờ thì ôm bao nỗi đau trong lòng mà chẳng biết chia sẻ cùng ai. Một vài lần bán sách góp vào quỹ các tổ chức cứu trợ thương phế binh, tôi có nhờ các vị trong những tổ chức nhân đạo này, nhưng không ai tìm thấy tên Lại Trọng Hà trong các hồ sơ hoặc danh sách thương phế binh xin trợ giúp..

Trong những giấc mơ đôi lúc tôi thấy ba thằng chúng tôi nằm bên nhau, ngâm nga thơ phú trên ngọn đồi có nhiều tảng đá, một bên là núi một bên là biển, giữa bầu trời vằng vặc trăng sao, trong tiếng đạn pháo và tiếng hô xung phong của đám quân thù. Giật mình tỉnh giấc, tôi có cảm giác như đang chơi voi lơ lửng trong một khoảng không bao la nào đó.

Bài Thơ Đang Đỗ

Thiên Lý (2010)

Em có biết cho đời người lính trẻ
Sau chiến cuộc tàn,
Là tan nát những ước mơ
Là đau thương,
hấp hối từng giờ
Là khổ nhục trong lao tù cộng sản

*Em có biết
anh còn bao bè bạn?
Là phé binh đang vất vưởng làm than
Sống cô đơn nghèo đói lét thân tàn
Qua ngõ gác mưu sinh nghìn cay đắng*

Em có biết
Nhiều đêm anh thức trắng
Thả hồn mơ theo khói thuốc quỵện bay
Mơ đất nước mình sẽ sớm đổi thay
Quyền bạo chúa không còn trong nhân loại.
Người tìm đến nhau
Rộng vòng tay thân ái
Đời nở ra trăm triệu đoá yêu thương
Dân ấm no trên khắp mọi ngã đường
Từ phố thị đến làng quê xa tít.

*Nhưng em ơi,
Nhìn cuộc sống, tương lai sao mờ mịt!
Vì thuốc tàn thì mộng cũng tàn thôi...*



Tản Văn

Sài Gòn và Tuổi Thơ của Tôi



Trần Mộng Tú

Tôi xa quê hương ở vào tuổi không quá trẻ đại để dễ quên và cũng không quá già để chỉ dành toàn thời giờ cho một điều mất mát, rồi đau đớn. Tôi ở vào tuổi mà khi bước đến vùng đất mới, đời sống đã như lồi tôi đi trong một con lốc trên những con đường khác nhau trước mặt, hầu như không ngưng nghỉ. Tôi chóng mặt, nhưng tôi vẫn biết tôi là ai và tôi ở đâu trên quê người, nên những lúc tôi phải ngưng lại để thở là những lúc hồn quê nôn nao thức dậy trong tôi.

Mỗi lần nhớ đến quê nhà là nhớ đến Sài Gòn trước tiên. Sài Gòn không phải là phần đất dành riêng cho người miền

Nam nữa, đối với người miền Bắc di cư vào Nam năm 1954, người Trung chạy giặc Cộng năm 1968 thì Sài Gòn chính là phần đất quê nhà đáng nhớ nhất.

Tôi lớn lên, sống cả một thời niên thiếu ở Sài Gòn. Đi học, dậy thì, yêu đương, mơ mộng, làm việc, lấy chồng, khóc, cười rồi chia ly với Sài Gòn.

Tôi nhớ lại hồi bé theo bố mẹ di cư vào Sài Gòn. Ba tôi làm việc ở Nha Địa Chánh, nên từ những căn lều bạt trong trại tiếp cư Tân Sơn Nhất, gia đình tôi được dọn vào ở tạm một khu nhà ngang trong sở của Ba ở số 68 đường Paul Blanchy (Hai Bà Trưng) sau lưng Bru Điện. Tôi đi học, đi bộ băng qua hai con đường là tới trường Hòa Bình, bên hông nhà thờ Đức Bà. Tôi vào lớp Ba. Ngày đầu tiên cấp sách đến lớp, ma sơ dĩ nhiên là người Nam, hồi đó còn mặc áo dòng trắng, đội lúp đen. Sơ đọc chính (chánh) tả:

Hoa hường phết (phết là dấu phẩy)

Cái tai của con bé con Bắc kỳ không quen với phát âm miền Nam nên “hoa hường” thành “qua tường” và phết thành một chữ nữa. tôi viết: Qua tường phết.

Bài chính tả dài một trang của tôi chắc chắn là ăn một con số 0 màu đỏ to tướng vì nguyên bài bị gạch xóa bằng mực đỏ lè. Tôi như một người ngoại quốc nghe tiếng Việt. Nhưng tôi học thuộc lòng trong sách thì giỏi và thuộc nhanh lắm. Khi khảo bài tôi được điểm tốt, mặc dù bạn học chung lớp khó hiểu con nhỏ Bắc kỳ đọc cái gì. Ma sơ cứ nhìn sách, nghe tôi đọc lâu lâu, biết là tôi có thuộc bài. Tôi nhớ một bài học thuộc lòng về thành phố Sài Gòn như thế này:

*Sài Gòn vòi nước bùng binh
Này bảng báo hiệu này vòng chỉ tên
Trụ đèn, giấy thép, tượng hình
Lính canh, cảnh sát giữ gìn công an
Mặc dầu đường rộng thênh thang
Ngựa xe đi lại luật hành phải thông*

*Mặc dầu đường rộng mênh mông
Mùi tên chỉ rõ bằng trông dễ tìm
Trần Hưng, Lê Lợi, Chu Trinh...*

Trần Hưng là đường Trần Hưng Đạo, Chu Trinh là đường Phan Chu Trinh, viết tắt trong bài học thuộc lòng. Từ bài học đó, tôi hiểu được hai chữ “bùng binh” là gì.

Ngôi trường đó tôi chỉ học hết lớp ba. Sau đó Ba Mẹ tôi tìm được nhà ở bên Thị Nghè, tôi được đi học lớp nhì, lớp nhất ở trường Thạnh Mỹ Tây, có rất nhiều bạn cũng Bắc kỳ di cư như tôi.

Kỷ niệm về Sài Gòn tôi nhớ nhất là lần đầu tiên con bé Bắc kỳ tròn xoe mắt, nhìn thấy đồng bạc xé làm hai, nếu chỉ muốn tiêu một nửa. Mua cái bánh, gói kẹo nào cũng chỉ xé hai đồng bạc. Xé rất tự nhiên, tiền mới hay tiền cũ gì cũng xé. Người mua xé, mua; người bán xé để trả (thối) lại. Tôi đã biết bao lần, vào những buổi tối mùa hè, mẹ cho một đồng, hai chị em mua ngô (bắp) nướng của người đàn bà, ngồi dưới chân cột đèn điện trước cửa sớ Địa Chánh với cái lò than nhỏ xíu, bán bắp nướng quẹt hành mỡ. Dưới ánh sáng hắt lờ mờ của bóng đèn từ trên cao xuống, cái lò than nhỏ xíu, thơm lừng mùi bắp non. Gọi là lò, thực sự chỉ có mấy cục than hồng để trong một miếng sắt cong cong, bên trên có cái vỉ bằng giấy thép, rồi tung, những cái bắp được xếp lên đó, mà bà bán hàng trở qua, lật lại. Đôi khi cũng là một cái lò gạch nhỏ đã vỡ, mẻ mát mấy miếng rồi, không thể kê nổi trên đó, bà bán mang ra để nướng bắp. Hai chị em đứng líu ríu vào nhau (anh và chị lớn không tham dự vào những sinh hoạt của hai đứa em nhỏ nầy), cầm tờ giấy bạc một đồng, đưa ra.

Tôi luôn luôn ngần ngại không dám xé, đưa cho bà bán hàng; bà cầm lấy, xé toạc làm hai, khi tôi chỉ mua một cái bắp. Bà đưa phần nửa tiền còn lại để chúng tôi có thể cất đi, tối mai lại ra mua bắp nữa. Mỗi lần thấy đồng bạc bị xé, tuy không phát ra tiếng động, tôi cũng giật mình đánh thót một

cái như nghe thấy đồng bạc của mình bị bẻ hay bị gãy. Cảm tưởng như mất luôn cả phần tiền đưa ra và phần giữ lại. Phải mất bao nhiêu lần nhìn đồng tiền bị xé mới quen mất cái hình ảnh “Đồng bạc xé hai” này và tin là nửa kia vẫn dùng mua bán được.

Bẻ cái bắp làm đôi, tôi với em tôi chia nhau. Ngon ơi là ngon! Bắp dẻo, thơm mùi lửa than, thơm mùi hành mỡ. Chị em tôi ăn dè xén từng hạt bắp một. Ăn xong chúng tôi dắt nhau đi tìm ve sầu ở những thân cây me trong bóng tối. Buổi tối ve sầu mùa hạ, chui ở đất lên, bò lên các thân me, lột xác. Chúng tôi bắt những con chưa kịp lột cho vào cái hộp (không) bánh bích quy đã mang theo sẵn. Đó là những con ve mới ngơ ngác bò lên khỏi mặt đất, mang về nhà. Thuở thơ dại những trò chơi này là cả một thế giới thơ mộng và đầy hấp dẫn. Chị em tôi mang hộp ve sầu vào giường ngủ, ban đêm những con ve này sẽ chui ra bò lên màn, lột xác. Đêm chúng tôi đi vào giấc ngủ, thì ve chui ra, lột xác xong bỏ lại những vệt dài nhựa thâm đen trên những cánh màn tuyn trắng toát. Khi chúng tôi thức dậy nhìn thấy, chưa kịp dụi mắt tìm mấy con ve, đã thấy mẹ đứng ở ngoài màn với cái chổi phát trần trên tay. Chúng tôi chưa bị roi nào thì đã có bố đứng bên, gỡ cái chổi ở tay mẹ mang đi, trong lúc những cái lông gà trên chổi còn đang ngơ ngác.

Sài Gòn còn cho tuổi thơ của chúng tôi biết thế nào là cái ngọt ngào, thơm, mát của nước đá nhận. Trong sân trường tiểu học Thạnh Mỹ Tây, tôi được ăn cái đá nhận đầy màu sắc đầu tiên. Một khối nước đá nhỏ, đặt trên một lưỡi dao bào, bào vào cái ly bên dưới, khi đầy ly, ông bán hàng ấn (nhận) nước đá ép xuống, đổ ngược ly lại, lấy cái khối nước đá xôm xộp, có hình dáng cái ly ra. Rắc si-rô xanh đỏ, có khi còn có màu vàng và màu xanh lá cây với vị bạc hà nữa. Gọi là nước đá nhận. Học trò trẻ con, bạn thân, sung sướng chia nhau ở sân trường, mỗi đứa mút một cái, chuyền tay nhau. Nước đá nhận, bánh kẹo ở sân trường trong những giờ ra chơi đều được mua bằng đồng bạc xé hai này.

Ba tôi bảo cầm đồng tiền xé hai một cách tự nhiên như thế quả là một điều rất dung dị, xuề xòa, dễ dãi mà chỉ người miền Nam mới có được. Xé tiền mà như xé một tờ giấy gói hàng, giấy gói bánh, như xé một tờ báo. Mảnh xé ra có giá trị lúc đó, mảnh còn lại cũng vẫn còn giá trị sau này. Người Hà Nội cầm tờ giấy bạc rách, thì vuốt cho thẳng thẵn lại, có khi lấy



hạt com dẻo miết lên chỗ rách cho dính vào nhau, rồi cẩn thận gấp lại trước khi cho vào túi. Một thời gian sau, tiền không xé nữa, được thay bằng đồng bạc 50 su bằng nhôm, hình tròn, một mặt có hình tổng thống Ngô Đình Diệm, mặt sau là hình khóm trúc. (Biểu hiệu cho: Tiết Trục Tâm Hư)

Cuộc di cư 1954 đó giúp cho người Việt hai miền Nam, Bắc hiểu nhau hơn. Người Bắc sống và lớn lên ở Sài Gòn ở thế hệ chúng tôi học được cái đơn sơ, chân phương của người miền Nam và ngược lại những bạn học người Nam của tôi cũng học được cách ý tứ, lễ phép (đôi khi đến cầu kỳ) của người miền Bắc. Tôi đã được nghe một người miền Nam nói: Sau 1975 thì chỉ có những người Bắc di cư 54 là đồng bào của người miền Nam mà thôi. Hóa ra những người Bắc sau này ở

ngoài cái bọc (đồng bào) của bà Âu Cơ hay sao? Nếu thật sự như thế thì thật đáng buồn!

Sài Gòn đầu thập niên sáu mươi vẫn còn có xe ngựa, đưa những bà mẹ đi chợ. Người xà ích lúc đó chưa biết sợ hãi trên những con đường còn mù sương buổi sáng. Tiếng lóc cóc của móng ngựa chạm xuống mặt đường như đánh thức một bình minh. Tôi nhớ có chỗ gọi là Bến Tắm Ngựa, mỗi lần đi qua, hồi lăm. Sau vài mươi năm xe thổ mộ ở Sài Gòn không còn nữa, chỉ còn ở lục tỉnh.

Sài Gòn với xích lô đạp, xích lô máy, taxi, vespa, lambretta, velo, mobilette là những phương tiện di chuyển mang theo đầy nỗi nhớ. Kỷ niệm thơ mộng của một thời trẻ dại, hương hoa và nước mắt. Sài Gòn với những cơn mưa ập xuống thình lình vào tháng năm tháng sáu, tiếng mưa khua vang trên những mái tôn, tẩm đẫm những hàng me già, ướt sũng những lối đi vào ngõ nhà ai, Sài Gòn với mùa hè đỏ rực hoa phượng vĩ in xuống vạt áo học trò, với những hoa nắng loang loang trên vai áo bà ba của những bà mẹ là những mảng ký ức ngọt ngào trong tâm của chúng tôi.

Mỗi tuổi đời của tôi đi qua như những hạt nắng vàng rắc xuống trên những hàng me bên đường, như mưa đầu mùa rụng xuống trên những chùm hoa bông giấy. Những tên đường quen thuộc, mỗi con phố đều nhắc nhớ một kỷ niệm với người thân, với bạn bè. Chỉ cần cái tên phố gọi lên ta đã thấy ngay một hình ảnh đi cùng với nó, thấy một khuôn mặt, nghe được tiếng cười, hay một mẩu chuyện rất cũ, kể lại đã nhiều lần vẫn mới. Ngay cả vệ đường, chỉ một cái bước hụt cũng nhắc ta nhớ đến một bàn tay đã đưa ra cho ta nút lại.

Âm thanh của những tiếng động hàng ngày, như tiếng chuông nhà thờ buổi sáng, tiếng xe rồ của một chiếc xích lô máy, tiếng rao của người bán hàng rong, tiếng chuông leng keng của người bán cà rem, tiếng gọi nhau ới ới trong những con hẻm, tiếng mua bán xôn xao khi đi qua cửa chợ, về im ắng

thơ mộng của một con đường vắng sau cơn mưa... làm nên một Sài Gòn bình bình trong nỗi nhớ.

Sài Gòn mỗi tháng, mỗi năm, dần dần đổi khác. Chúng tôi lớn lên, đi qua thời kỳ tiểu học, vào trung học thì chiến tranh bắt đầu thấp thoáng sau cánh cửa nhà trường. Đã có những bạn trai thi rớt Tú Tài phải nhập ngũ. Những giọt nước mắt đã rơi xuống sân trường. Sau đó, với ngày biểu tình, với đêm giới nghiêm, với vòng kẽm gai, với hỏa châu vụt bay lên, vụt rơi xuống, tất nhanh, như tương lai của cả một thế hệ lớn lên giữa chiến tranh.

Sài Gòn như một người tình đầu đời, để cho ta bất cứ ở tuổi nào, bất cứ đi về đâu, khi ngồi nhớ lại, vẫn hiện ra như một vệt son còn chói đỏ. Sài Gòn như một mảnh trầm còn nguyên vẹn hương thơm, như một vết thương trên ngực chưa lành, đang chờ một nụ hôn dịu dàng đặt xuống.

Sài Gòn khi đổi chủ chẳng khác nào như một bức tranh bị lật ngược, muốn xem cứ phải cong người, uốn cổ ngược với thân, nên không còn đoán ra được hình ảnh trung thực nguyên thủy của bức tranh.

Sài Gòn bây giờ trở lại, thấy mình trở thành một du khách trên một xứ sở hoàn toàn lạ lẫm. Tôi thương Sài Gòn và thương cho chính mình, đã hư hao một chốn để về.

Xuân Nhâm Thìn / 2012

